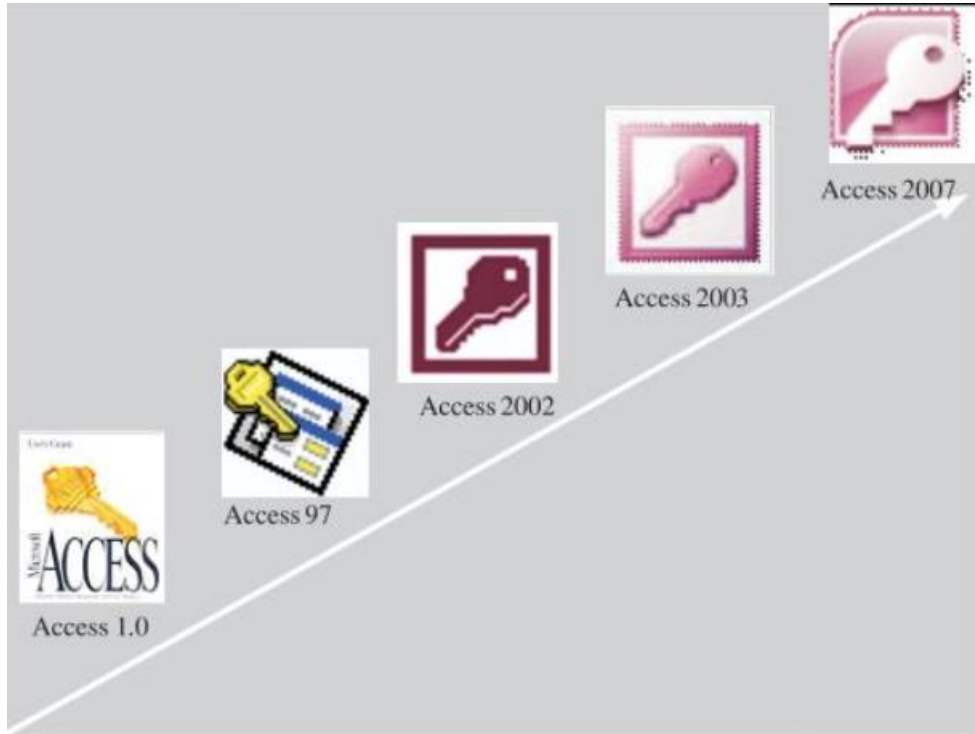




# CHƯƠNG II: HỆ QTCSDL MICROSOFT ACCESS

## **BÀI 3: GIỚI THIỆU MS-ACCESS**





Nội dung:

1. Phần mềm MS-Access
2. Khả năng của Access
3. Các loại đối tượng chính của Access
4. Một số thao tác cơ bản
5. Làm việc với các đối tượng

# 1. Phần mềm Microsoft Access



- Gọi tắt là Access.
- Nằm trong bộ phần mềm MS-Office của hãng Microsoft.
- Dành cho máy tính các nhân, máy tính chạy trong mạng cục bộ.

Để giới thiệu những chức năng cơ bản và minh họa các bài thực hành → sử dụng phiên bản Access 2016.





## 2. Khả năng của Access

### a. Access có những khả năng nào?

Cung cấp các công cụ tạo lập, lưu trữ, cập nhật và khai thác dữ liệu.

-Tạo lập và lưu trữ CSDL trên thiết bị nhớ. Một CSDL được tạo bởi Access gồm: các bảng dữ liệu và mối liên kết giữa các bảng đó.

-Tạo biểu mẫu để cập nhật dữ liệu, tạo báo cáo thống kê, tổng kết hay mẫu hỏi để khai thác dữ liệu trong CSDL.





## 2. Khả năng của Access

b.VD: Bài toán QL học sinh trong nhà trường (xét trường hợp học sinh của một lớp nào đó)

-Để QL học sinh của lớp, GVCN **tạo bảng** gồm các thông tin: họ tên, ngsinh, giới tính, địa chỉ, sđt, đoàn viên, điểm các môn học, ...

-**Cập nhật**: có hs mới chuyển đến, hs chuyển đi, thông tin nào đó của hs thay đổi, điểm các môn học, ...

-**Khai thác hồ sơ**: thống kê điểm TB môn, hạnh kiểm, in DS lớp, đoàn viên, ...

→ sử dụng Access xây dựng CSDL để quản lý.





# 3. Các loại đối tượng chính của Access

-Xét 4 đối tượng cơ bản sau:

- Dùng để lưu dữ liệu.

Bảng  
(table)

- Dùng để sắp xếp, tìm kiếm, kết xuất dữ liệu xác định từ một hoặc nhiều bảng

Mẫu hỏi  
(query)

- Được thiết kế để định dạng, tính toán, tổng hợp các dữ liệu được chọn và in ra.

Báo cáo  
(report)

Giúp tạo giao diện thuận lợi cho việc nhập hoặc hiển thị thông tin.

Biểu mẫu  
(form)





VD: Bài toán QL học sinh trong nhà trường (xét trường hợp học sinh của một lớp nào đó) → CSDL gồm:

**Bảng:** HOC\_SINH, DIEM\_SO, ...

**Biểu mẫu:**

- Nhap\_hs: cập nhật thông tin học sinh
- Nhap\_diem: cập nhật điểm tb môn

**Mẫu hỏi:** xem thông tin của học sinh hoặc lớp theo điều kiện

- xem thông tin của hs tên là Nguyễn Văn A
- xem điểm môn Tin học, Toán

**Báo cáo:**

- xem và in ra bảng điểm môn Toán
- danh sách học sinh là đoàn viên







*Chú ý:*

*-Mỗi đối tượng được Access quản lý dưới một tên.*

*-Tên của mỗi đối tượng được tạo bởi: chữ cái, chữ số có thể chứa dấu cách.*

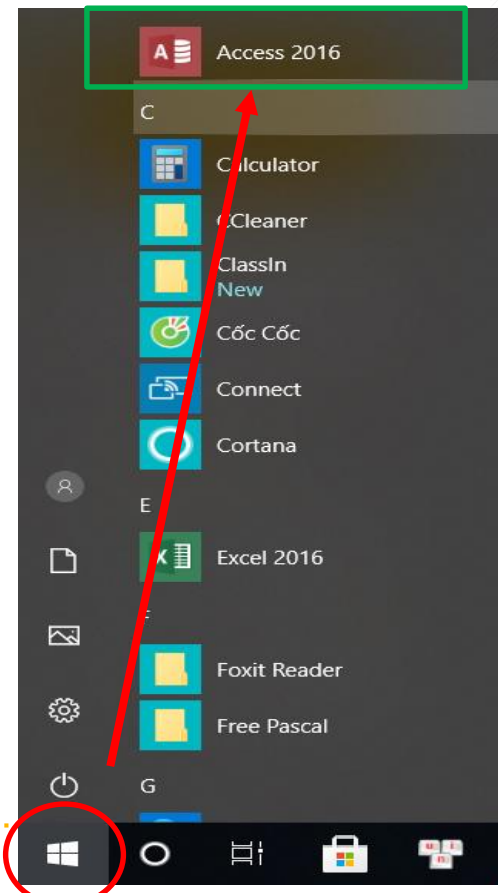
# 4. Một số thao tác cơ bản

## a. Khởi động Access

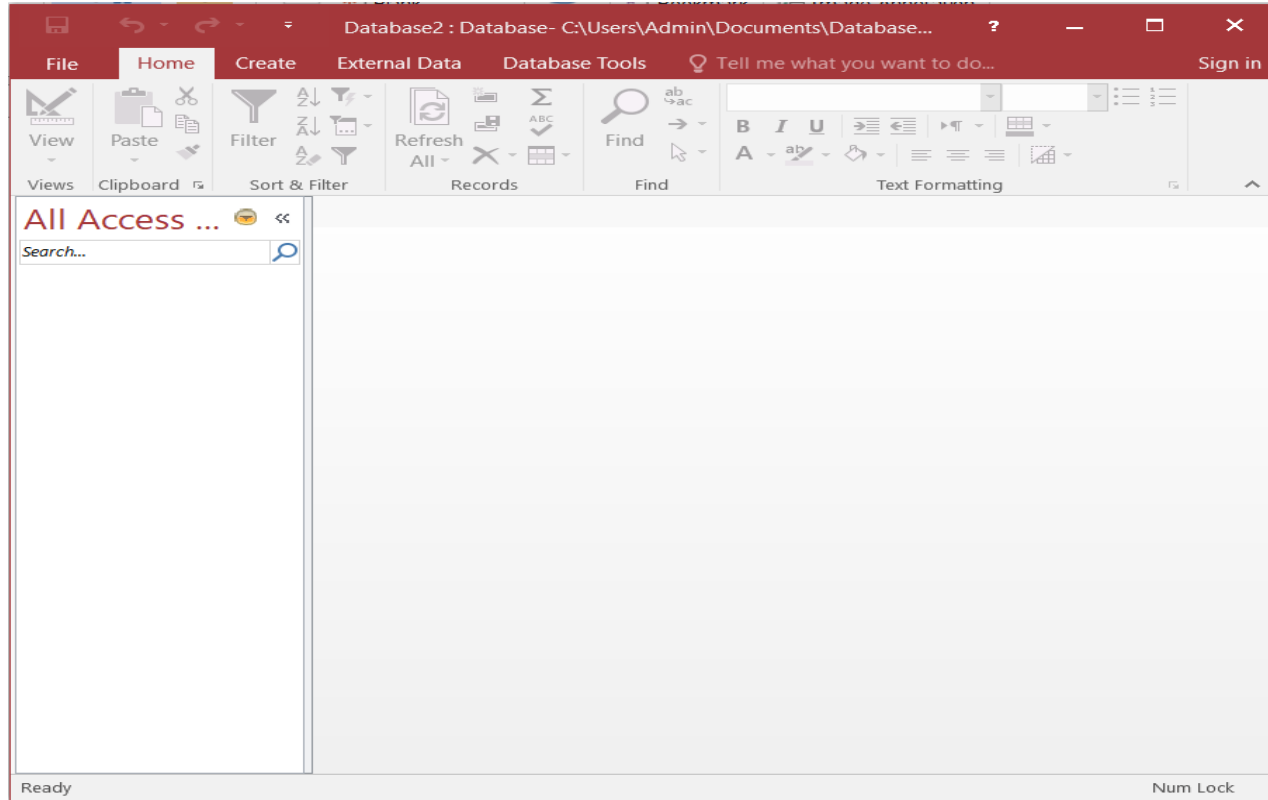
C1: Nháy đúp vào biểu tượng Access trên màn hình



C2: Nháy nút Start → Chọn biểu tượng Access trong bảng chọn Start



# Màn hình làm việc của Access:



# 4. Một số thao tác cơ bản

## b. Tạo CSDL mới

C1: Nháy đúp chuột vào biểu tượng Access trên màn hình

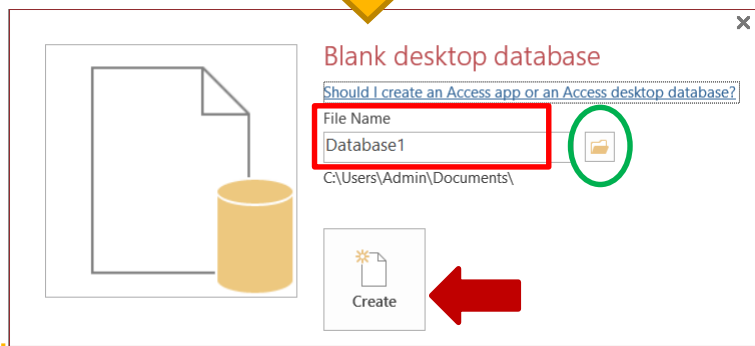
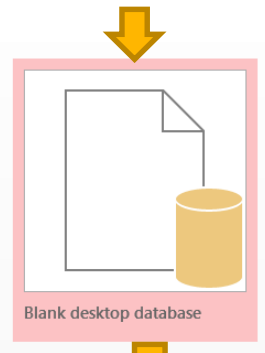


→ Chọn Blank Desktop Database

→ Đặt tên cho CSDL (ở ô File Name)

→ Chọn nơi lưu (biểu tượng )

→ Nhấn **Create**



# 4. Một số thao tác cơ bản

## b. Tạo CSDL mới

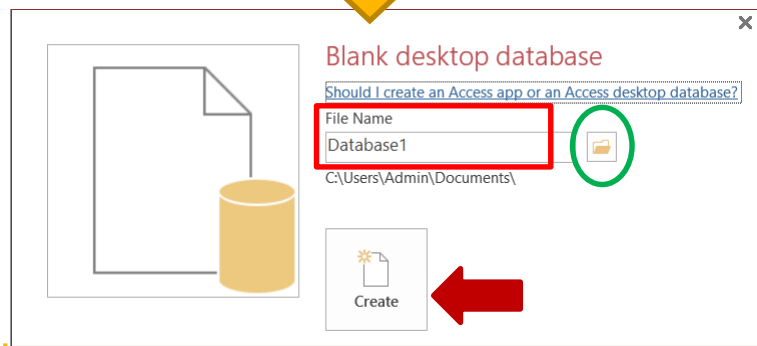
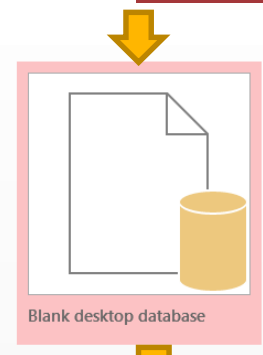
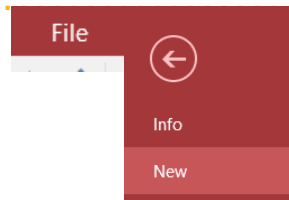
C2: Vào thẻ File → chọn New

→ Chọn Blank Desktop Database

→ Đặt tên cho CSDL (ở ô File Name)

→ Chọn nơi lưu (biểu tượng )

→ Nhấn **Create**

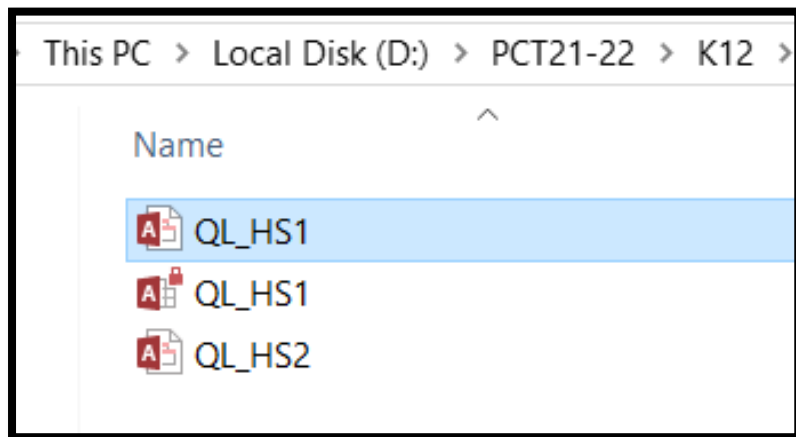


## 4. Một số thao tác cơ bản

c. Mở CSDL đã có

C1: Chọn tệp CSDL cần mở

→ Nhấn đúp chuột



# 4. Một số thao tác cơ bản

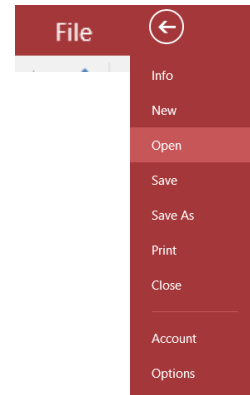
c. Mở CSDL đã có

C2: Vào thẻ File → chọn Open

→ Chọn nơi đã lưu CSDL (Browse)

→ Chọn CSDL cần mở

→ Nhấn Open



Open

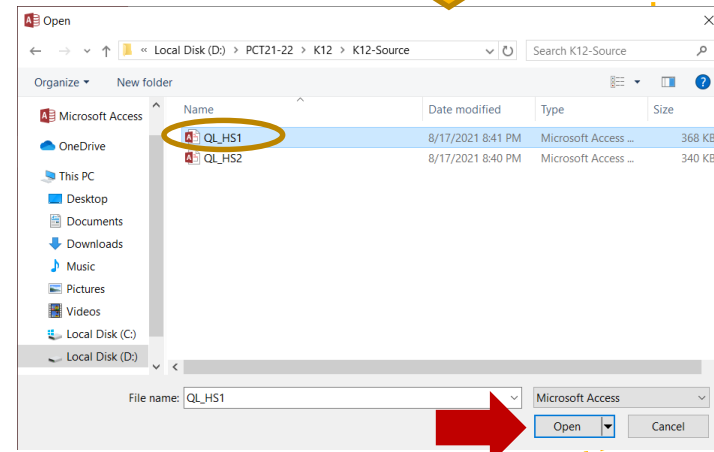
Recent

OneDrive

This PC

Add a Place

Browse





*Chú ý:*

- Tại mỗi thời điểm, Access chỉ làm việc với một CSDL.*
- Tập do Access tạo ra có phần mở rộng là .accdb (cũ là .mdb) chứa tất cả các đối tượng liên quan đến một CSDL.*



## 4. Một số thao tác cơ bản

d. Kết thúc phiên làm việc với Access

C1: Vào **thẻ File** → **Chọn Close**

C2: Nhấn nút đóng





## 5. Làm việc với các đối tượng

Để làm việc với đối tượng nào cần chọn đối tượng đó.

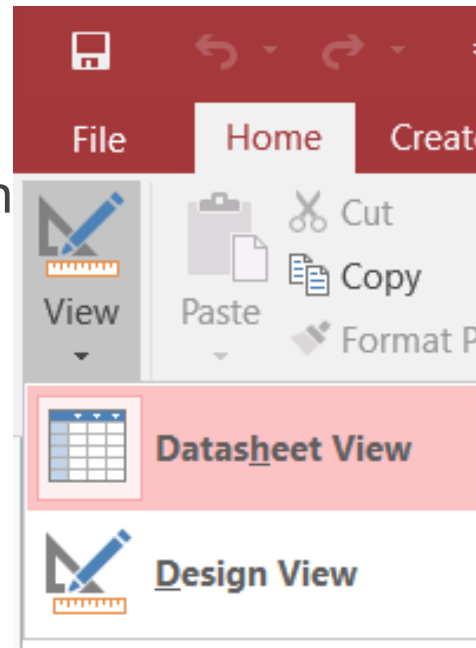
### a. Chế độ làm việc với các đối tượng

-**Chế độ thiết kế (Design View):** dùng để tạo mới hoặc thay đổi cấu trúc bảng, mẫu hỏi, cách trình bày và định dạng biểu mẫu, báo cáo.

**Chọn: View → Design View**

-**Chế độ trang dữ liệu (Datasheet View):** dùng để hiển thị dữ liệu dạng bảng, cho phép xem, xóa hoặc thay đổi các dữ liệu đã có.

**Chọn: View → Datasheet View**



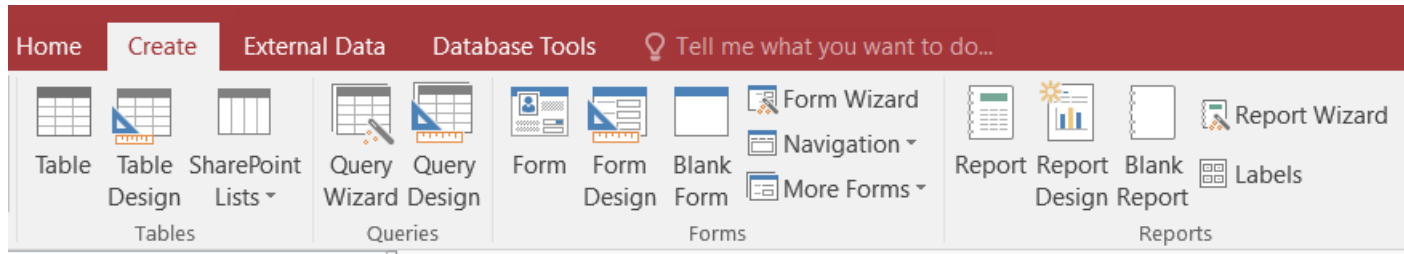


# 5. Làm việc với các đối tượng

## b. Tạo đối tượng mới

Có nhiều cách:

- Dùng các mẫu có sẵn (wizard)
- Người dùng tự thiết kế
- Kết hợp cả 2 cách trên



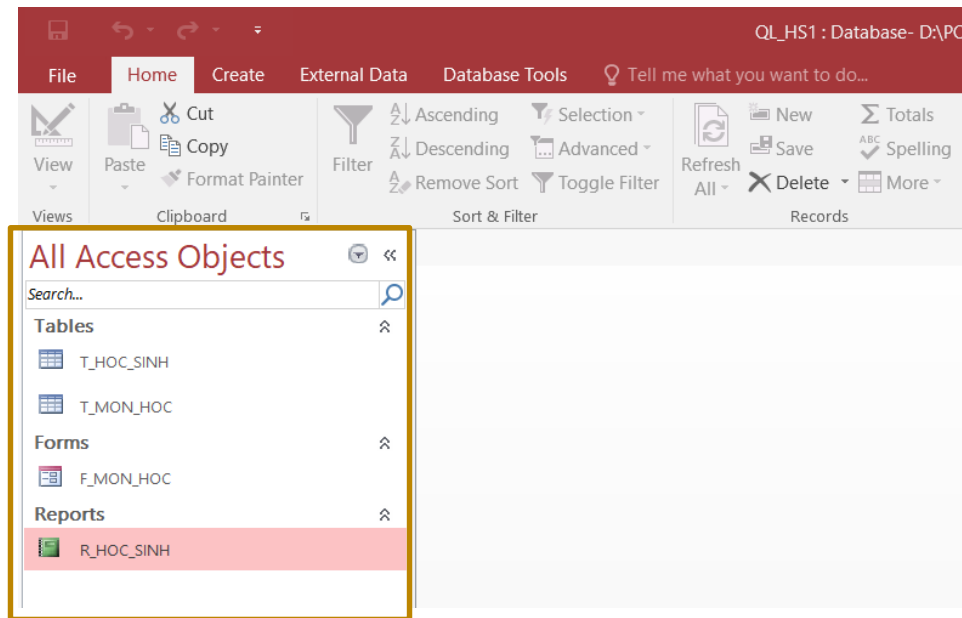


# 5. Làm việc với các đối tượng

## c. Mở đối tượng

Trong cửa sổ của các đối tượng tương ứng

→ nháy đúp chuột lên tên một đối tượng để mở.



THANKS  
Any question?

